TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1089/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 862/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026, về việc: Ly hôn, con chung giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1986; CCCD số 022186010xxx; địa chỉ: B2-514 tòa R, phường P, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn H, sinh năm 1986; CCCD số 010086006xxx; địa chỉ: B2-514 tòa R, phường P, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị N và anh Trương Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị N và anh H cùng xác định anh chị có 03 con chung là cháu Trương Ngọc Như Y, sinh ngày 08/11/2020, cháu Trương Ngọc Cát T, sinh ngày 14/4/2022 và cháu Trương Minh K, sinh ngày 31/8/2023.

Giao cháu cháu Y, cháu T và cháu K cho chị N là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; anh H đóng góp 3.000.000 đồng/01 cháu/tháng cho chị N kể từ tháng 8/2026 đến khi cháu Y, cháu T và cháu K đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Chị N và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về nợ chung vợ chồng: Chị N và anh H xác định không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về án phí: Chị Đoàn Thị N chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/26E số 0003000 ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội
- PTHADS khu vực 5 – Hà Nội;
- UBND phường Đ, tỉnh Quảng Ninh (GCNKH số 26/2022 ngày 18/5/2022);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Hồng Quang